SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 1
Số: 1829 /QĐ-BVĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bắc Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Thuốc generic số 1 bổ sung
Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026-2028 tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 1

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09-09-2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc giao đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc; Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành danh mục mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Công văn số 1171/SYT-NVD ngày 05/9/2025 của Sở Y tế Bắc Ninh về việc triển khai, hướng dẫn trình tự thực hiện mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc; Công văn số 1226/SYT- NVD ngày 08/9/2025 của Sở Y tế Bắc Ninh về việc triển khai đấu thầu thuốc tập trung cấp địa phương; Công văn số 2448/SYT-NVD ngày 31/10/2025 về việc thực hiện mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT; Công văn số 3996/SYT-NVD ngày 24/7/2026 của Sở Y tế Bắc Ninh về việc mua sắm thuốc

generic thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp địa phương nhưng chưa có KQLCNT giai đoạn 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-BVĐK ngày 21/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 về việc phê duyệt danh mục, số lượng gói thầu: Thuốc generic số 1 bổ sung; Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026 -2028 tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1;

Theo đề nghị của Tổ xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thuốc generic số 1 bổ sung, Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026 -2028 tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 tại Tờ trình ngày 09/11/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thuốc generic số 1 bổ sung, Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026 -2028 tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thuốc generic số 1 bổ sung, Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026 -2028 tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các khoa, phòng có liên quan của Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 và các cá nhân, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định được phê duyệt, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Sở Y tế (b/c);
- Lưu VT, TXDKHLCNT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 1

Thân Trọng Hưng

PHỤ LỤC I: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Thuốc generic số 1 bổ sung

Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026 -2028 tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1

(Kèm theo Quyết định số 1829/QĐ-BVĐK ngày 11 /11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1	Thuốc generic số 1 bổ sung	Mua sắm các thuốc chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026 -2028 tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1	**40.355.189.751 đồng.**	Nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu hợp pháp khác của các cơ sở y tế	Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	120 ngày	Quý IV năm 2026	Thỏa thuận khung, hợp đồng theo đơn giá cố định	- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: 15 tháng kể từ ngày ký. - Thời gian thực hiện hợp đồng: 14 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và trong thời gian hiệu lực của thoả thuận khung. - Thời gian thực hiện gói thầu: 14 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và trong thời gian hiệu lực của thoả thuận khung.	Có áp dụng
Tổng giá gói thầu: 40.355.189.751 đồng. *(Số tiền bằng chữ: Bốn mươi tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu một trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi mốt đồng./.)*												

PHỤ LỤC II: THÔNG TIN TỪNG PHẦN (LÔ) CỦA GÓI THẦU

Gói thầu: Thuốc generic số 1 bổ sung

Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026 -2028 tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1

(Kèm theo Quyết định số 1829 /QĐ-BVĐK ngày 11/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1.	GBS01	Aminophylin	1	4,8%; 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	6.610	17.500	115.675.000
2.	GBS02	Betamethason	4	0,064%; 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	31.750	24.800	787.400.000
3.	GBS03	Betamethasone (Betamethasone dipropionate); Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	1	(5mg/1ml; 2mg/1ml); 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	4.300	75.244	323.549.200
4.	GBS04	Bezafibrat	1	200mg	Uống	Viên	Viên	112.500	5.000	562.500.000
5.	GBS05	Diazepam	1	10mg/2ml; 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	1.066	17.950	19.134.700
6.	GBS06	Diazepam	4	10mg/2ml; 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	31.238	8.000	249.904.000
7.	GBS07	Digoxin	4	0,25mg	Uống	Viên	Viên	93.855	628	58.940.940
8.	GBS09	Diphenhydramin	4	10mg/ 1ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	571.675	893	510.505.775

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
9.	GBS10	Dobutamin	4	250mg/5ml; 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	6.619	54.999	364.038.381
10.	GBS11	Ethambutol hydroclorid	3	400mg	Uống	Viên	Viên	426.711	1.575	672.069.825
11.	GBS12	Fentanyl	1	0,1mg/2ml; 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	144.814	28.455	4.120.682.370
12.	GBS13	Gliclazide	3	80mg	Uống	Viên	Viên	652.600	840	548.184.000
13.	GBS14	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	4	0,6mg	Đặt dưới lưỡi	Viên đặt dưới lưỡi	Viên	3.500	2.200	7.700.000
14.	GBS15	Hydroxyurea (Hydroxycarbamid)	2	500mg	Uống	Viên nang	Viên	430.000	4.800	2.064.000.000
15.	GBS16	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	1	1000IU/10ml; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ Ống	44.691	75.000	3.351.825.000
16.	GBS17	Insulin người trộn, hỗn hợp	1	1000IU/10ml; 10ml tỷ lệ 30/70	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ Ống	258.389	75.000	19.379.175.000
17.	GBS18	Ketamin	1	500mg/10ml; 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	1.292	100.380	129.690.960
18.	GBS19	Lamivudin + Tenofovir disoproxil fumarat + Dolutegravir	5	300mg + 300mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	941.400	3.319	3.124.506.600
19.	GBS20	Levobupivacain	1	50mg/10ml; 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	29.520	109.500	3.232.440.000

THÀNH PHỐ BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 1

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
20.	GBS21	Levodopa + carbidopa	4	100mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	121.000	2.834	342.914.000
21.	GBS22	Levomepromazin maleat	1	25mg	Uống	Viên	Viên	226.950	1.720	390.354.000
	Tổng cộng: 21 thuốc								**40.355.189.751**	

PHỤ LỤC III: DANH MỤC ÁP DỤNG TUỲ CHỌN MUA THÊM

Gói thầu: Thuốc generic số 1 bổ sung

Dự toán mua sắm: Muasắm thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2026 -2028

tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1

(Kèm theo Quyết định số 1829/QĐ-BVĐK ngày 11/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng tuỳ chọn mua thêm	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền tuỳ chọn mua thêm (VND)
1.	GBS01	Aminophylin	1	4,8%; 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	1.451	17.500	25.392.500
2.	GBS02	Betamethason	4	0,064%; 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	8.036	24.800	199.292.800
3.	GBS03	Betamethasone (Betamethasone dipropionate); Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	1	(5mg/1ml; 2mg/1ml); 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	1.290	75.244	97.064.760
4.	GBS04	Bezafibrat	1	200mg	Uống	Viên	Viên	32.800	5.000	164.000.000
5.	GBS05	Diazepam	1	10mg/2ml; 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	295	17.950	5.295.250
6.	GBS06	Diazepam	4	10mg/2ml; 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	8.438	8.000	67.504.000
7.	GBS07	Digoxin	4	0,25mg	Uống	Viên	Viên	27.960	628	17.558.880

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng tuỳ chọn mua thêm	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền tuỳ chọn mua thêm (VND)
8.	GBS09	Diphenhydramin	4	10mg/ 1ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	150.064	893	134.007.152
9.	GBS10	Dobutamin	4	250mg/5ml; 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	1.974	54.999	108.568.026
10.	GBS11	Ethambutol hydroclorid	3	400mg	Uống	Viên	Viên	45.836	1.575	72.191.700
11.	GBS12	Fentanyl	1	0,1mg/2ml; 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	40.948	28.455	1.165.175.340
12.	GBS13	Gliclazide	3	80mg	Uống	Viên	Viên	195.280	840	164.035.200
13.	GBS14	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	4	0,6mg	Đặt dưới lưỡi	Viên đặt dưới lưỡi	Viên	805	2.200	1.771.000
14.	GBS15	Hydroxyurea (Hydroxycarbamid)	2	500mg	Uống	Viên nang	Viên	129.000	4.800	619.200.000
15.	GBS16	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	1	1000IU/10 ml; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ Ống	10.680	75.000	801.000.000
16.	GBS17	Insulin người trộn, hỗn hợp	1	1000IU/10 ml; 10ml tỷ lệ 30/70	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/ Ống	73.385	75.000	5.503.875.000
17.	GBS18	Ketamin	1	500mg/10ml; 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	343	100.380	34.430.340
18.	GBS19	Lamivudin + Tenofovir disoproxil fumarat + Dolutegravir	5	300mg + 300mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	279.420	3.319	927.394.980

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng tuỳ chọn mua thêm	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền tuỳ chọn mua thêm (VND)
19.	GBS20	Levobupivacain	1	50mg/10ml; 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/ Ống	8.856	109.500	969.732.000
20.	GBS21	Levodopa + carbidopa	4	100mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	36.300	2.834	102.874.200
21.	GBS22	Levomepromazin maleat	1	25mg	Uống	Viên	Viên	32.752	1.720	56.333.440
	Tổng cộng: 21 danh mục									**11.236.696.568**